

BÁO CÁO THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung thu	Thực hiện 06 tháng năm 2023	Dự toán HĐND giao năm 2024	Thực hiện thu 05 tháng năm 2024	% so sánh thực hiện 05 tháng với Dự toán	UTH thu 06 tháng năm 2024	So sánh % UTH cả năm với	
							Dự toán HĐND tính giao	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/2	5	6=5/2	7=5/1
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+II.1+III)	1.631.696	4.600.000	1.397.307	30,4%	1.789.000	38,9%	109,6%
I	Thu nội địa	1.493.830	4.305.000	1.282.691	29,8%	1.653.000	38,4%	110,7%
*	<i>Thu nội địa trừ tiền sử dụng đất, XSKT và thu cổ tức lợi nhuận sau thuế</i>	<i>1.312.999</i>	<i>2.475.400</i>	<i>1.099.322</i>	<i>44,4%</i>	<i>1.329.500</i>	<i>53,7%</i>	<i>101,3%</i>
1	Thu từ DN nhà nước trung ương quản lý	353.744	788.000	277.018	35,2%	331.000	42,0%	93,6%
	<i>Trong đó: Thu từ các nhà máy thủy điện, gồm:</i>	<i>278.745</i>	<i>654.000</i>	<i>200.643</i>	<i>30,7%</i>	<i>252.000</i>	<i>38,5%</i>	<i>90,4%</i>
	<i>(1) Thu từ thuế VAT thủy điện</i>	<i>86.028</i>	<i>229.500</i>	<i>59.546</i>	<i>25,9%</i>	<i>76.000</i>	<i>33,1%</i>	<i>88,3%</i>
	<i>(2) Thu tài nguyên nước thủy điện</i>	<i>192.717</i>	<i>424.500</i>	<i>141.097</i>	<i>33,2%</i>	<i>176.000</i>	<i>41,5%</i>	<i>91,3%</i>
2	Thu từ DN nhà nước địa phương quản lý	25.050	50.000	28.669	57,3%	30.000	60,0%	119,8%
3	Thu từ KV DN có vốn đầu tư nước ngoài	342	1.000	4.836	483,6%	6.150	615,0%	1798,2%
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	576.406	1.000.000	471.436	47,1%	578.000	57,8%	100,3%
5	Thuế thu nhập cá nhân	75.284	115.000	66.333	57,7%	75.000	65,2%	99,6%
6	Thu thuế bảo vệ môi trường	75.911	166.000	71.479	43,1%	85.000	51,2%	112,0%
7	Lệ phí trước bạ	44.667	100.000	35.577	35,6%	46.000	46,0%	103,0%
8	Phí, lệ phí	30.620	58.000	36.468	62,9%	41.000	70,7%	133,9%
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	45	-	471		500		1111,1%
10	Thuế SD đất phi nông nghiệp	1.381	3.400	1.199	35,3%	1.500	44,1%	108,6%
11	Thu cho thuê mặt đất mặt nước	16.730	25.000	13.902	55,6%	16.000	64,0%	95,6%
12	Tiền sử dụng đất	47.972	400.000	124.258	31,1%	157.000	39,3%	327,3%
13	Tiền bán nhà ở thuộc SHNN, thuế, KHCB nhà	-	1.700	-	0,0%		0,0%	
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	42.518	80.000	50.376	63,0%	54.500	68,1%	128,2%
15	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	73.716	100.000	60.093	60,1%	82.000	82,0%	111,2%
16	Thu khác ngân sách	38.970	67.000	31.705	47,3%	37.000	55,2%	94,9%
17	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	133	300	136	45,3%	350	116,7%	263,2%
18	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	4.336	4.000	8.735	218,4%	9.000	225,0%	207,6%
19	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao (bao gồm ghi thu tiền thuê đất, tiền sử dụng đất tương ứng số tiền đền bù GPMB của các DA đầu tư mà nhà đầu tư đã tự nguyện ứng trước)	86.005	1.345.600		0,0%	103.000	7,7%	119,8%
	<i>Trong đó: - Thu tiền thuê đất</i>	<i>78.629</i>	<i>208.291</i>		<i>0,0%</i>	<i>-</i>	<i>0,0%</i>	<i>0,0%</i>
	<i>- Tiền bán tài sản trên đất</i>	<i>7.376</i>	<i>9.667</i>		<i>0,0%</i>	<i>-</i>	<i>0,0%</i>	<i>0,0%</i>
	<i>- Tiền sử dụng đất</i>		<i>1.127.642</i>		<i>0,0%</i>	<i>103.000</i>	<i>9,1%</i>	
II	Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu	(287.077)	295.000	(291.313)		(294.000)		
1	Tổng số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	137.866	295.000	114.616	38,9%	136.000	46,1%	98,6%
-	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu	135.445	288.000	111.906	38,9%	133.000	46,2%	98,2%
-	Thuế XNK và TTĐB hàng NK	2.021	6.500	2.409	37,1%	2.600	40,0%	128,6%
-	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	1	-	-				0,0%
-	Thuế khác	400	-	301		400		100,0%
-	Thu phí và lệ phí		500		0,0%		0,0%	
2	Hoàn thuế GTGT	(424.943)	-	(405.929)		(430.000)		101,2%
III	Các khoản huy động đóng góp	-	-	-		-		
B	Thu cân đối NSDP được hưởng theo phân cấp	1.385.088	4.130.600	1.195.030	28,9%	1.600.000	38,7%	115,5%
-	<i>Thu cân đối NSDP được hưởng theo phân cấp trừ tiền đất, XSKT, thu cổ tức lợi nhuận sau thuế</i>	<i>1.204.257</i>	<i>2.301.000</i>	<i>1.011.661</i>	<i>44,0%</i>	<i>1.276.500</i>	<i>55,5%</i>	<i>106,0%</i>
1	Ngân sách tỉnh hưởng	710.946	2.791.518	550.555	19,7%	750.000	26,9%	105,5%
2	Ngân sách huyện hưởng	674.142	1.339.082	644.475	48,1%	850.000	63,5%	126,1%

STT	Nội dung thu	Thực hiện 06 tháng năm 2023	Dự toán HĐND giao năm 2024	Thực hiện thu 05 tháng năm 2024	% so sánh thực hiện 05 tháng với Dự toán	UTH thu 06 tháng năm 2024	So sánh % UTH cả năm với	
							Dự toán HĐND tính giao	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/2	5	6=5/2	7=5/1

ĐVT: Triệu đồng

A	Nội dung	Thực hiện chi 06 tháng năm 2023	Nhiệm vụ chi năm 2024	Bao gồm		Thực hiện chi 05 tháng năm 2024	% so sánh thực hiện 05 tháng với nhiệm vụ chi	UTH chi 06 tháng năm 2024	% SS UTH chi cả năm với	
				Chuyển nguồn năm 2023 sang năm 2024 (1)	DT HĐND giao năm 2024				Nhiệm vụ chi	Cùng kỳ năm trước
	Tổng chi ngân sách ĐP quản lý	4.642.853	14.028.589	3.325.965	10.702.624	4.512.140	32,2%	5.681.000	40,5%	122,4%
I	Chi đầu tư phát triển	2.182.690	4.459.491	1.810.791	2.648.700	1.998.806	44,8%	2.462.000	55,2%	112,8%
	<i>Trong đó:</i>									
*	<i>Chi DTPT (không tính vốn tạm ứng năm trước chuyển nguồn sang năm 2024)</i>	<i>1.128.514</i>	<i>3.254.123</i>	<i>605.423</i>	<i>2.648.700</i>	<i>793.438</i>	<i>24,4%</i>	<i>1.256.632</i>	<i>38,6%</i>	<i>111,4%</i>
1	Chi đầu tư từ các nguồn vốn thuộc NSDP	635.366	1.519.169	491.949	1.027.220	590.094	38,8%	823.000	54,2%	129,5%
1.1	Nguồn cân đối ngân sách địa phương	482.703	1.498.785	471.565	1.027.220	590.094	39,4%	823.000	54,9%	170,5%
2	Chi đầu tư từ các nguồn vốn thuộc NSTW	1.547.324	2.940.322	1.318.842	1.621.480	1.408.712	47,9%	1.639.000	55,7%	105,9%
II	Chi thường xuyên	2.413.054	7.042.616	544.836	6.497.780	2.499.296	35,5%	3.204.000	45,5%	132,8%
1	Chi thường xuyên cân đối ngân sách	2.289.395	5.920.925	142.998	5.777.927	2.414.090	40,8%	2.922.000	49,4%	127,6%
1.1	Chi quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội	96.201	195.803	103	195.700	95.436	48,7%	100.000	51,1%	103,9%
1.2	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.015.974	2.668.277	14.979	2.653.298	1.125.630	42,2%	1.300.000	48,7%	128,0%
1.3	Chi khoa học và công nghệ	9.931	17.641	-	17.641	7.764	44,0%	9.000	51,0%	90,6%
1.4	Chi y tế, dân số và gia đình	223.312	583.513	-	583.513	345.658	59,2%	355.000	60,8%	159,0%
1.5	Chi văn hóa thông tin	42.579	84.656	145	84.511	32.259	38,1%	43.000	50,8%	101,0%
1.6	Chi phát thanh truyền hình	14.073	36.002	6	35.996	12.934	35,9%	20.000	55,6%	142,1%
1.7	Chi thể dục thể thao	7.220	17.094	-	17.094	6.497	38,0%	10.000	58,5%	138,5%
1.8	Chi bảo vệ môi trường	43.077	117.581	572	117.009	40.986	34,9%	55.000	46,8%	127,7%
1.9	Chi các hoạt động kinh tế	140.156	451.595	44.292	407.303	134.107	29,7%	200.000	44,3%	142,7%
1.10	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	538.385	1.350.942	18.119	1.332.823	523.217	38,7%	650.000	48,1%	120,7%
1.11	Chi đảm bảo xã hội	98.499	252.159	1.850	250.309	77.263	30,6%	110.000	43,6%	111,7%
1.12	Chi thường xuyên khác	59.987	145.663	62.932	82.731	12.339	8,5%	70.000	48,1%	116,7%
2	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	123.660	1.121.691	401.838	719.853	85.206	7,6%	282.000	25,1%	228,0%
2.1	Chương trình mục tiêu quốc gia (Vốn SN)	33.660	781.170	225.472	555.698	30.325	3,9%	215.000	27,5%	638,7%
-	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	5.676	32.106	11	32.095	7.182	22,4%	15.000	46,7%	264,3%
-	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	10.717	154.915	277	154.638	7.982	5,2%	50.000	32,3%	466,6%
-	Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng DTTS và miền núi	14.414	388.518	19.553	368.965	15.160	3,9%	150.000	38,6%	1040,7%
2.2	Chi cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	90.000	340.521	176.366	164.155	54.881	16,1%	67.000	19,7%	74,4%
III	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính		1.000	-	1.000	-	0,0%		0,0%	
IV	Dự phòng ngân sách		165.856	-	165.856	-	0,0%		0,0%	
V	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương		961.478	961.478	-	-	0,0%		0,0%	
VI	Chi từ nguồn tăng thu các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	24.081	1.318.688	-	1.318.688	-	0,0%	-	0,0%	0,0%
VII	Chi trả nợ lãi	822	2.100	-	2.100	584	27,8%	800	38,1%	97,3%
VIII	Bội chi ngân sách địa phương	2.978	68.500	-	68.500	-	0,0%	-	0,0%	0,0%
IX	Chi cho vay từ nguồn vốn trong nước (ủy thác qua NHCSXH)	15.000	-	-	-	10.000		10.000		66,7%
X	Chi trả nợ gốc	4.227	8.860	8.860	-	3.453	39,0%	4.200	47,4%	99,4%

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số 180/BC-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Tên cơ quan, tổ chức đơn vị, doanh nghiệp trực tiếp quản lý, sử dụng nhà, đất; địa chỉ nhà, đất xử lý	Dự toán thu Hội đồng nhân dân tỉnh giao	Trong đó				Thực hiện 05 tháng năm 2024	Trong đó				UTH 06 tháng năm 2024	Trong đó				Ghi chú phương án xử lý tài sản (Bán, chuyển mục đích,...)
			Thu tiền sử dụng đất	Thu tiền cho thuê đất	Thu tiền bán tài sản trên đất	Thu tiền cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		Thu tiền sử dụng đất	Thu tiền cho thuê đất	Thu tiền bán tài sản trên đất	Thu tiền cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		Thu tiền sử dụng đất	Thu tiền cho thuê đất	Thu tiền bán tài sản trên đất	Thu tiền cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	
A	B	$I=2+3+4+5$	2	3	4	5	$6=7+8+9+10$	7	8	9	10	$11=12+13+14+15$	12	13	14	15	16
	TỔNG CỘNG (A+B+C)	1.747.000	1.527.642	208.291	9.667	1.400	124.258	124.258	-	-	-	260.000	260.000	-	-	-	
A	NGUỒN THU TRUNG ƯƠNG GIAO	400.000	400.000	-	-	-	124.258	124.258	-	-	-	157.000	157.000	-	-	-	
B	NGUỒN THU ĐỊA PHƯƠNG GIAO TẶNG THU	1.345.600	1.127.642	208.291	9.667	-	-	-	-	-	-	103.000	103.000	-	-	-	
I	Bán đấu giá các trụ sở cấp tỉnh quản lý	232.173	44.215	178.291	9.667	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
I.1	Các trụ sở thuộc UBND thành phố Kon Tum	44.415	44.215	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Phòng Kinh tế thành phố- 05 Nguyễn Đình Chiểu, P Quyết Thắng	18.971	18.928	-	43							-					Các cơ sở nhà, đất này chưa hoàn thành thủ tục quy hoạch xây dựng chi tiết nên chưa đủ điều kiện lập thủ tục trình phê duyệt Quyết định bán đấu giá, do đó chưa có cơ sở ước thực hiện
2	Phòng LĐ-TBXH xã hội- 96 Trần Phú, thành phố Kon Tum	13.882	13.882									-					
3	Phòng Dân tộc Thành phố 19 (256) Bắc Kạn, TP Kon Tum	4.302	4.302									-					
4	Phòng Kinh tế thành phố (Trụ sở làm việc Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cũ)- 54B Trần Hưng Đạo, TP Kon Tum	7.261	7.104		157							-					
I.2	Các trụ sở và cơ sở thuộc UBND tỉnh	187.758	-	178.291	9.467	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Sở Xây dựng và Công ty CP TV Đầu tư và Xây dựng Kon Tum - địa chỉ số 345 đường Bà Triệu và số 119 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	52.207		45.405	6.802							-					Đã thông báo bán đấu giá 03 lần nhưng không có nhà đầu tư tham gia. Mặt khác, cơ sở nhà, đất đấu giá có giá trị lớn và thời điểm hiện nay nhu cầu đấu giá cơ sở nhà, đất để thực hiện dự án của các nhà đầu tư giảm; nhà đầu tư có nhiều sự lựa chọn khác khi thực hiện đấu tư như đấu giá quyền sử dụng đất tại các dự án khai thác quỹ đất sạch nên khó thu hút nhà đầu tư đăng ký đấu giá cơ sở nhà đất này. Do đó không có cơ sở ước thực hiện.
2	Thu từ bán đấu giá các trụ sở cơ quan khối tỉnh (Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh)- 190 Phan Chu Trinh, phường Thắng Lợi, thành phố Kon Tum	135.551		132.886	2.665							-					Hiện cơ sở nhà, đất này chưa được cấp thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư; quy hoạch xây dựng chi tiết nên chưa đủ điều kiện lập thủ tục trình phê duyệt Quyết định bán đấu giá vì vậy chưa có cơ sở ước thực hiện
II	Dự án khai thác quỹ đất (Thu tiền bán đấu giá quyền sử dụng đất)	983.427	983.427	-	-	-	-	-	-	-	-	103.000	103.000	-	-	-	

STT	Tên cơ quan, tổ chức đơn vị, doanh nghiệp trực tiếp quản lý, sử dụng nhà, đất; địa chỉ nhà, đất sử lý	Dự toán thu Hội đồng nhân dân tỉnh giao	Trong đó				Thực hiện 05 tháng năm 2024	Trong đó				UTH 06 tháng năm 2024	Trong đó				Ghi chú phương án xử lý tài sản (Bán, chuyển mục đích,...)
			Thu tiền sử dụng đất	Thu tiền cho thuê đất	Thu tiền bán tài sản trên đất	Thu tiền cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		Thu tiền sử dụng đất	Thu tiền cho thuê đất	Thu tiền bán tài sản trên đất	Thu tiền cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		Thu tiền sử dụng đất	Thu tiền cho thuê đất	Thu tiền bán tài sản trên đất	Thu tiền cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	
A	B	I=2+3+4+5	2	3	4	5	6=7+8+9+10	7	8	9	10	11=12+13+14+15	12	13	14	15	16
1	Dự án khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng tại Trung tâm thể dục thể thao tại phường Trường Chinh (Đợt 2)	566.238	566.238				-					-					Sau khi UBND thành phố Kon Tum; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện các thủ tục về điều chỉnh quy hoạch Phân khu và quy hoạch chi tiết theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Thông báo số 2829/TB-VP ngày 23/4/2024 của Văn phòng UBND tỉnh Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Lê Ngọc Tuấn tại buổi làm việc về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, triển khai các đồ án quy hoạch trên địa bàn thành phố Kon Tum
2	Các lô, thửa đất TMDV còn lại của Khu đô thị Nam cầu Đăk Bla (Dự án đầu tư hạ tầng phát triển quỹ đất Khu đô thị phía Nam cầu Đăk Bla, phường Lê Lợi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum)	283.189	283.189									103.000	103.000				Đối với các lô đất thương mại C2, C22, C23, C24, C25, C9, C19 còn lại tại Khu đô thị phía Nam cầu Đăk Bla: Trung tâm Phát triển quỹ đất tiếp tục hoàn thiện các thủ tục về chủ trương đầu tư, phương án đấu giá lấy ý kiến các Sở ngành và trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt để thực hiện theo quy định
3	Diện tích đất đường Nguyễn Hữu Cầu - TP Kon Tum	64.000	64.000									-					Sau khi UBND thành phố Kon Tum; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện các thủ tục về điều chỉnh quy hoạch Phân khu và quy hoạch chi tiết theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Thông báo số 2829/TB-VP ngày 23/4/2024 của Văn phòng UBND tỉnh Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Lê Ngọc Tuấn tại buổi làm việc về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, triển khai các đồ án quy hoạch trên địa bàn thành phố Kon Tum
4	Dự án chỉnh trang đô thị tạo quỹ đất tại Khu công nghiệp Sao Mai	70.000	70.000									-					Hiện nay, Sở Tài nguyên và Môi trường mới gửi Văn bản đề nghị Sở Tài chính (cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh) tổ chức thẩm định phương án giá khởi điểm làm cơ sở để đấu giá quyền sử dụng đất đối với Khu đất dự án: Chỉnh trang đô thị, tạo quỹ đất để thực hiện quy hoạch Khu công nghiệp Sao Mai, xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum (đợt 1). Do đó, Ban quản lý Khu kinh tế chưa có cơ sở để triển khai thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất. Dự kiến sẽ phát sinh vào 06 tháng cuối năm 2024
III	Thu tiền thuê đất, tiền sử dụng đất trong ứng số tiền đến bù GPMB của các DA đầu tư mà nhà đầu tư đã tự nguyện ứng trước	30.000		30.000								-					
IV	Tăng thu tiền sử dụng đất cấp huyện, thành phố quản lý	100.000	100.000									-					Tình hình kinh tế có nhiều biến động bất lợi, cùng với việc các ngân hàng thắt chặt chính sách tín dụng bất động sản,... thị trường bất động sản nói chung "trầm lắng", sức mua, đầu tư bất động sản giảm, giá đất thị trường biến động giảm, giá khởi điểm cao dẫn đến việc không có khách hàng đăng ký tham gia đấu giá.